

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1)- Ông Đoàn Minh Hùng.

2)- Bà Nguyễn Thị Mười.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Lan T**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: **B, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; Địa chỉ hiện tại: **Áp A+ C, xã T, huyện T, tỉnh Long An** (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T1**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: **Áp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình xét xử, bà **Ngô Thị Lan T** là nguyên đơn trình bày: Bà và ông **Nguyễn Thành T1** được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An** vào ngày 19/01/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hai người đã sống ly thân đã 2 năm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Thành T1**

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung **Nguyễn Ngô An P**, sinh ngày 07/3/2019, hiện nay bà đang nuôi con, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

- Ông **Nguyễn Thành T1** là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà **Ngô Thị Lan T** xin ly hôn với ông **Nguyễn Thành T1**, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý, giải quyết. Ông **Nguyễn Thành T1** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên cần áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt đối với ông **Nguyễn Thành T1**.

[2] Bà **Ngô Thị Lan T** và ông **Nguyễn Thành T1** được tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An** vào ngày 19/01/2017, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của bà **Ngô Thị Lan T**, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà **T** và ông **T1** đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Bà **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông T1. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không hợp tác giải quyết việc hôn nhân của các đương sự. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Ngô Thị Lan T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Bà T khai trình hai đương sự có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngô An P, sinh ngày 07/3/2019, hiện nay bà T đang nuôi con. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với thực tế nuôi con hiện nay của đương sự, nên chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T cam kết không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị Lan T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thành T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà **Ngô Thị Lan T** được ly hôn với ông **Nguyễn Thành T1**.

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà **Ngô Thị Lan T** được tiếp tục giữ con chung tên **Nguyễn Ngô An P**, sinh ngày 07/3/2019. Ông **Nguyễn Thành T1** không phải cấp dưỡng nuôi con; có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà **Ngô Thị Lan T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp là 300.000 đồng sang tiền án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0009555 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thái